



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1669>

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO TRẺ MẪU GIÁO Ở CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Thị Thúy Hằng

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp

Email: hangtruong231087@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 09/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 9/10/2025; Ngày duyệt đăng: 22/10/2025

Tóm tắt

Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với 120 cán bộ quản lý và giáo viên đang công tác tại 08 trường mầm non trên địa bàn. Kết quả khảo sát cho thấy, hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo bước đầu đã được quan tâm và triển khai trong các trường mầm non, có những kết quả được ghi nhận. Tuy nhiên, đánh giá các mặt về xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức và sự phối hợp giữa các lực lượng trong tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ vẫn còn những hạn chế nhất định, đặc biệt là việc chưa có cơ chế hỗ trợ chuyên biệt cho hoạt động này và đội ngũ giáo viên còn lúng túng trong thiết kế các hoạt động tích hợp giáo dục giới tính phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để quan tâm tổ chức hiệu quả hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo trong các trường mầm non ở Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Từ khóa: *Giáo dục giới tính, giáo dục giới tính cho trẻ, hoạt động giáo dục giới tính, trường mầm non.*

Trích dẫn: Trương, T. T. H. (2025). Thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(05S), 325-336. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1669>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT STATUS OF SEXUALITY EDUCATION ACTIVITIES FOR PRESCHOOLERS AT KINDERGARTENS IN BINH TAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY

Truong Thi Thuy Hang

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: hangtruong231087@gmail.com

Article history

Received: 09/9/2025; Received in revised form: 09/10/2025; Accepted: 22/10/2025

Abstract

The article presents research findings on the current state of sexuality education activities for preschool children in kindergartens in Binh Tan District, Ho Chi Minh City. The study employed a questionnaire survey of 120 administrators and teachers working at eight kindergartens in the district. The results indicate that sex education activities for preschoolers have received attention and been implemented in kindergartens, yielding some documented outcomes. However, assessments across goal setting, content, methods, delivery formats, and coordination among stakeholders reveal certain limitations. Most notably is the absence of dedicated support mechanisms for this work and teachers' difficulties in designing age-appropriate, integrated sexuality education activities aligned with preschool children's developmental characteristics. The findings provide a basis for organizing and implementing these activities more effectively in Ho Chi Minh City's kindergartens in the period ahead.

Keywords: *Sexuality education, Sexuality education for children, Sexuality education activities, preschool.*

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục mầm non, giáo dục giới tính (GDGT) là nền tảng hình thành ý thức về cơ thể, tôn trọng bản thân và người khác, đồng thời hỗ trợ phát triển kỹ năng an toàn cho trẻ theo cách phù hợp với lứa tuổi. Khuyến nghị quốc tế nhấn mạnh GDGT nên bắt đầu sớm, theo tiến trình từ đơn giản đến phức tạp, tích hợp vào các hoạt động hằng ngày và bối cảnh văn hóa - gia đình của trẻ (UNESCO, 2018; WHO Regional Office for Europe & BZgA, 2010).

Trong bối cảnh Việt Nam, GDGT ở mầm non có căn cứ chính sách rõ ràng: Chương trình Giáo dục mầm non hợp nhất 2021 yêu cầu bảo đảm an toàn thân thể, giáo dục kỹ năng sống và hình thành hành vi phù hợp lứa tuổi - tạo “khung” để tích hợp GDGT vào hoạt động hằng ngày ở trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Song song, các hoạt động tăng cường năng lực như chương trình tập huấn và bộ tài liệu do các cơ quan trong nước phối hợp với tổ chức quốc tế triển khai gần đây đã cung cấp học liệu và định hướng thực hành cho nhà trường (UNESCO Global Education Monitoring Report, 2023).

Nhu cầu GDGT sớm cũng thể hiện qua dữ liệu bảo vệ trẻ em: Theo thông tin từ Chính phủ Việt Nam, năm 2024, toàn quốc khởi tố 2.361 vụ/2.931 đối tượng, xâm hại 2.505 trẻ em, giảm 137 vụ (tương ứng 5,5%) so với năm 2023. Con số này lần đầu tiên được giảm sau 4 năm, từ 2020 đến 2023. Báo cáo cũng nêu nhiều con số khác, như xâm hại tình dục trẻ em xảy ra 1.927 vụ/ 2.106 đối tượng, xâm hại 1.960 trẻ em (chiếm 81,6%); lực lượng chức năng đã khởi tố 1.875 vụ/2.165 bị can, xử lý hành chính 70 vụ/170 đối tượng. Số vụ bạo lực học đường, số học sinh liên quan đến bạo lực học đường năm học 2023-2024 xảy ra 466 vụ, liên quan đến 1.453 học sinh (trong đó có 509 học sinh nữ), con số này đã giảm so với năm học 2022-2023 (Đức Minh, 2025).

Bằng chứng trong nước về giáo dục phòng ngừa xâm hại trong nhà trường ghi nhận hiệu quả tích cực: sau can thiệp, kiến thức và thái độ của học sinh được cải thiện đáng kể (Trần & cs., 2022). Theo Nguyen & cs. (2024), nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng nhằm tạo dựng môi trường hỗ trợ cho cả giáo viên (GV) và học sinh. Kết quả cho thấy việc triển khai thành công các chương trình phòng ngừa xâm hại tình dục ở bậc tiểu học đòi hỏi sự kết hợp giữa đào tạo trọng tâm, nguồn lực phong phú, phương pháp dạy học lôi cuốn và sự tham gia của cộng đồng. Bằng cách ưu tiên các tiêu chí này, hiệu quả chương trình có thể được nâng cao đáng kể, qua đó thúc đẩy an toàn và phúc lợi cho trẻ em.

Tuy nhiên, các tổng quan - khảo sát trong nước chỉ ra những khoảng trống ở cấp triển khai: nội dung chưa thống nhất, thiếu học liệu trực quan, năng lực xử lý tình huống của GV còn hạn chế và phối hợp gia đình - nhà trường chưa đồng đều. Điều này củng cố luận điểm rằng chất lượng GDGT mầm non phụ thuộc mạnh vào quản lý cấp trường - từ kế hoạch hóa theo mục tiêu đầu ra từng độ tuổi, bảo đảm học liệu, bồi dưỡng năng lực sư phạm đến cơ chế theo dõi - đánh giá liên tục (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2021).

Từ các căn cứ nêu trên, nghiên cứu này tập trung mô tả thực trạng hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo năm hợp phần: (i) Mục tiêu; (ii) nội dung; (iii) phương pháp; (iv) hình thức và (v) sự phối hợp giữa các lực lượng trong tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ, là cơ sở khoa học thực tiễn về tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ mầm non trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến thực trạng hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, bảng hỏi khảo sát được thiết kế với thang đo

Likert 5 mức độ nhằm đánh giá mức độ thực hiện các nội dung hoạt động GDGT như: Mục tiêu; nội dung; phương pháp; hình thức và sự phối hợp giữa các lực lượng trong tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ.

Nghiên cứu thực hiện trên 120 đối tượng tham gia khảo sát, bao gồm 8 cán bộ quản lý (CBQL) và 90 GV tại 08 trường mầm non công lập trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử lý số liệu: Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; số liệu được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel để thống kê, phân tích số liệu; tính điểm trung bình (ĐTB); độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH).

Tác giả sử dụng thang đo định lượng Likert 5 mức độ. Mỗi câu hỏi được thiết kế đo ở 5 mức độ tăng dần từ 1 điểm đến 5 điểm. Giá trị khoảng cách $= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5 - 1) / 5 = 0,8$. Từ đó, ta có các đoạn giá trị về ĐTB của các biến quan sát. Quy ước thang đo như sau:

Điểm	ĐTB	Mức độ đồng ý	Mức độ đạt được	Mức độ ảnh hưởng	Mức độ hiệu quả
1	$1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,80$	Hoàn toàn không đồng ý	Kém	Không ảnh hưởng	Hoàn toàn không hiệu quả
2	$1,80 < \text{ĐTB} \leq 2,60$	Không đồng ý	Yếu	Ít ảnh hưởng	Ít hiệu quả
3	$2,60 < \text{ĐTB} \leq 3,40$	Phân vân/trung lập	Trung bình	Bình thường	Bình thường
4	$3,40 < \text{ĐTB} \leq 4,20$	Đồng ý	Khá	Khá ảnh hưởng	Hiệu quả
5	$4,20 < \text{ĐTB} \leq 5,00$	Hoàn toàn đồng ý	Tốt	Rất ảnh hưởng	Rất hiệu quả

2.2. Kết quả nghiên cứu về thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức về tầm quan trọng giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	GDGT là cần thiết ở bậc học mầm non	0	0	7	40	73	4,55	0,65	2
2	Trẻ mẫu giáo có thể hiểu và tiếp thu kiến thức về giới tính ở mức độ phù hợp	3	0	12	40	65	4,37	0,60	5
3	GDGT giúp trẻ nhận thức được vùng riêng tư và cách tự bảo vệ bản thân	2	1	8	30	79	4,53	0,66	1
4	Trường mầm non nên tích hợp GDGT vào các hoạt động học - chơi	2	1	7	40	70	4,46	0,63	4

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
5	Tôi đã từng tổ chức/được tham gia lớp học hoặc hoạt động liên quan đến GDGT cho trẻ	2	0	11	34	73	4,47	0,63	3
6	Hiện tại nhà trường có đủ tài liệu/hướng dẫn để tổ chức hoạt động GDGT	2	1	12	41	64	4,37	0,59	6

Qua kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy nhận thức và mức độ thực hiện các mục tiêu của hoạt động GDGT tại các trường mầm non tương đối tốt. Cụ thể nội dung “GDGT giúp trẻ nhận thức được vùng riêng tư và cách tự bảo vệ bản thân” đạt ĐTB cao nhất là 4,53, với hệ số ĐLC là 0,66, xếp hạng 1. Điều này cho thấy GV và CBQL đánh giá rất cao vai trò thiết yếu của việc giúp trẻ nhận diện cơ thể và bảo vệ bản thân - một mục tiêu then chốt trong GDGT.

Từ những nội dung “GDGT là cần thiết ở bậc học mầm non” có ĐTB là 4,55, xếp hạng 2, thể hiện sự nhất trí cao trong nhận thức rằng GDGT cần được tích hợp ngay từ lứa tuổi mầm non. Nội dung “Tôi đã từng tổ chức/được tham gia lớp học hoặc hoạt động liên quan đến GDGT cho trẻ” đạt ĐTB là 4,47, xếp hạng 3. Điều này phản ánh thực tế rằng đa số GV/CBQL đã có cơ hội tham gia các hoạt động này, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn. “Trường mầm non nên tích hợp GDGT vào các hoạt động học - chơi” đạt ĐTB 4,46, xếp hạng 4. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy GV hiểu được tính cần thiết của việc lồng ghép GDGT vào các hoạt động hàng ngày để đạt hiệu quả cao hơn trong công tác giảng dạy.

Hai nội dung có ĐTB thấp nhất (4,37) gồm: “Trẻ mẫu giáo có thể hiểu và tiếp thu kiến thức về giới tính ở mức độ phù hợp” (xếp hạng 5). “Hiện tại nhà trường có đủ tài liệu/hướng dẫn để tổ chức hoạt động GDGT” (xếp hạng 6). Đây là hai nội dung cần được lưu tâm. Kết quả cho thấy GV còn nghi ngại về khả năng tiếp thu kiến thức giới tính của trẻ, đồng thời phản ánh thực trạng thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn cho việc tổ chức dạy học.

Như vậy, ĐTB các tiêu chí đều trên 4,3, cho thấy GV và CBQL có nhận thức tích cực và đã bước đầu thực hiện các mục tiêu GDGT. Độ lệch chuẩn dao động từ 0,59-0,66, cho thấy sự thống nhất cao trong đánh giá giữa các người tham gia khảo sát. Tuy nhiên, vấn đề về tài liệu hỗ trợ và niềm tin vào khả năng tiếp thu của trẻ vẫn còn là trở ngại cần khắc phục thông qua các hoạt động tập huấn chuyên đề và xây dựng tài liệu hướng dẫn cụ thể.

2.2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực hiện mục tiêu hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Giúp trẻ nhận biết và gọi đúng tên các bộ phận cơ thể, trong đó có bộ phận sinh dục	0	0	7	31	82	4,63	0,69	2
2	Giúp trẻ phân biệt giới tính nam – nữ thông qua đặc điểm cơ thể, trang phục, hành vi	0	0	5	29	86	4,68	0,72	1

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
3	Giáo dục trẻ kỹ năng bảo vệ vùng kín, từ chối hành vi tiếp xúc không phù hợp	0	0	4	38	78	4,62	0,68	5
4	Rèn cho trẻ kỹ năng tự chăm sóc cơ thể (tắm rửa, thay quần áo, đi vệ sinh đúng cách...)	2	0	6	36	76	4,53	0,66	6
5	Dạy trẻ các quy tắc ứng xử phù hợp trong mối quan hệ với bạn bè và người lớn	1	0	5	32	82	4,62	0,69	3
6	Giúp trẻ nhận biết hành vi không an toàn, không đúng (xâm hại, dụ dỗ...)	1	0	5	34	80	4,60	0,68	4
7	Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo, chia sẻ kiến thức về GDGT	0	4	10	30	76	4,48	0,64	7

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 2, cho thấy mức độ thực hiện các mục tiêu GDGT cho trẻ mẫu giáo được đánh giá tương đối đồng đều và tích cực, phản ánh sự quan tâm và nỗ lực triển khai trong thực tế,

Nội dung “Giúp trẻ phân biệt giới tính nam - nữ thông qua đặc điểm cơ thể, trang phục, hành vi” có ĐTB cao nhất (ĐTB = 4,68) và xếp hạng 1, cho thấy GV thực hiện nội dung này thường xuyên và hiệu quả. Việc phân biệt giới tính cơ bản là một nội dung nền tảng, giúp trẻ nhận thức đúng từ sớm, phòng tránh rủi ro nhiều giới tính trong tương lai.

Nội dung “Giúp trẻ nhận biết và gọi đúng tên các bộ phận cơ thể, trong đó có bộ phận sinh dục” có ĐTB = 4,63, xếp hạng 2. Điều này phản ánh sự chủ động của GV trong việc giúp trẻ nhận diện cơ thể một cách khoa học và phù hợp, mặc dù đây từng là nội dung còn gây e ngại trong thực tiễn giáo dục mầm non.

Nội dung “Dạy trẻ các quy tắc ứng xử phù hợp trong mối quan hệ với bạn bè và người lớn” cũng đạt mức cao (ĐTB = 4,62, xếp hạng 3), cho thấy GV đã lồng ghép hiệu quả việc GDGT vào rèn luyện kỹ năng xã hội, xây dựng hành vi ứng xử văn minh, lịch sự và có giới hạn phù hợp.

Nội dung “Giúp trẻ nhận biết hành vi không an toàn, không đúng (xâm hại, dụ dỗ...)” được đánh giá cao với ĐTB = 4,60, xếp hạng 4. Mặc dù đạt điểm khá cao, song vẫn cho thấy cần tiếp tục bồi dưỡng và cung cấp kỹ năng sư phạm để GV có thể dạy trẻ nhận diện các tình huống nguy cơ một cách cụ thể, dễ hiểu.

Nội dung “Giáo dục trẻ kỹ năng bảo vệ vùng kín, từ chối hành vi tiếp xúc không phù hợp” đạt ĐTB = 4,62, xếp hạng 5. Đây là nội dung quan trọng nhằm trang bị kỹ năng tự vệ, tuy nhiên trong thực tế vẫn còn gặp khó khăn do tâm lý ngại ngùng hoặc thiếu phương pháp truyền đạt phù hợp với trẻ nhỏ.

Rèn cho trẻ kỹ năng tự chăm sóc cơ thể như: tắm rửa, thay quần áo, đi vệ sinh đúng cách... có ĐTB 4,53, xếp hạng 6. Đây là kỹ năng thiết yếu, song việc rèn luyện thường xuyên phụ thuộc vào sự phối hợp giữa GV và phụ huynh, nên mức độ triển khai chưa đồng đều.

Nội dung “Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo, chia sẻ kiến thức về GDGT” có ĐTB thấp nhất là 4,48, xếp hạng 7. Điều này cho thấy hoạt động bồi dưỡng, chia sẻ chuyên môn và giáo dục cộng đồng về giới tính tuy đã có nhưng vẫn còn hạn chế về quy mô và tần suất. Đây là vấn đề cần khắc phục nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn thể nhà trường và phụ huynh.

Từ những kết quả trên tôi thấy rằng, toàn bộ các nội dung khảo sát đều đạt ĐTB từ 4,48 trở lên, chứng tỏ mức độ thực hiện các nội dung GDGT trong trường mầm non là tương đối tốt. Hệ số ĐLC dao động từ 0,64 đến 0,72, cho thấy mức độ thống nhất khá cao giữa các ý kiến đánh giá từ CBQL và GV. Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa, truyền thông và chia sẻ kiến thức vẫn chưa được triển khai sâu rộng, điều này đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn từ phía ban giám hiệu và ngành giáo dục địa phương nhằm tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và cộng đồng trong GDGT cho trẻ mầm non.

2.2.3. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về thực hiện nội dung hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Trẻ phân biệt giới tính nam - nữ qua hình ảnh, vai trò, hành vi	5	0	9	45	61	4,31	0,59	2
2	Hình thành kỹ năng nhận biết vùng riêng tư trên cơ thể	4	0	15	44	62	4,28	0,57	3
3	Sử dụng câu chuyện/trò chơi để dạy kiến thức giới tính cho trẻ	5	0	12	32	72	4,40	0,62	1
4	Hướng dẫn quy tắc ứng xử phù hợp với bạn bè và người lớn	5	0	8	54	54	4,26	0,59	5
5	Tích hợp GDGT vào các hoạt động học và chơi hàng ngày	5	0	11	44	60	4,28	0,58	4

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy việc triển khai thực hiện các nội dung GDGT cho trẻ trong các trường mầm non được khảo sát được đánh giá ở mức “Tốt” trở lên.

Nội dung “Sử dụng câu chuyện/trò chơi để dạy kiến thức giới tính cho trẻ” đạt ĐTB (ĐTB) cao nhất là 4,40, với hệ số ĐLC là 0,62, xếp hạng 1. Điều này cho thấy đây là phương pháp được ưu tiên sử dụng nhờ tính gần gũi, phù hợp với lứa tuổi mầm non và dễ dàng lồng ghép kiến thức một cách tự nhiên, sinh động. Phương pháp “Trẻ phân biệt giới tính nam – nữ qua hình ảnh, vai trò, hành vi” đạt ĐTB = 4,31, xếp hạng 2. Đây là một nội dung cốt lõi và có thể được lồng ghép linh hoạt vào các hoạt động học - chơi, giúp trẻ nhận diện giới tính thông qua thực hành và quan sát.

Hai nội dung: “Hình thành kỹ năng nhận biết vùng riêng tư trên cơ thể” và “Tích hợp GDGT vào các hoạt động học và chơi hằng ngày” có cùng ĐTB là 4,28, tuy nhiên nội dung có ĐLC thấp hơn (0,57) được xếp hạng 3, trong khi nội dung còn lại (ĐLC 0,58) xếp hạng 4. Điều này phản ánh mức độ thống nhất cao hơn của người tham gia khảo sát đối với phương

pháp giáo dục kỹ năng nhận biết vùng riêng tư, vốn là nội dung thiết yếu trong phòng tránh xâm hại.

Nội dung “Hướng dẫn quy tắc ứng xử phù hợp với bạn bè và người lớn” có ĐTB thấp nhất (4,26), xếp hạng 5, dù vẫn nằm ở mức khá cao. Điều này cho thấy nội dung này chưa được quan tâm đúng mức hoặc còn khó khăn trong việc truyền tải đến trẻ mẫu giáo, đặc biệt khi liên quan đến các tình huống xã hội phức tạp.

Tất cả các nội dung đều đạt ĐTB trên 4,2, cho thấy đội ngũ GV và CBQL đã nhận thức rõ và chủ động trong việc tổ chức thực hiện các nội dung GDGT phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non. Sự khác biệt về ĐLC (từ 0,57 đến 0,62) phản ánh mức độ thống nhất còn chưa hoàn toàn đồng đều giữa các đối tượng khảo sát, đặc biệt ở những nội dung mới hoặc còn thiếu tài liệu hướng dẫn. Trong thời gian tới, cần tăng cường tập huấn chuyên đề để GV tự tin hơn trong việc triển khai các nội dung nhạy cảm như nhận biết vùng riêng tư hay xây dựng quy tắc ứng xử an toàn cho trẻ.

2.2.4. Thực trạng sử dụng phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Kết quả khảo sát của cán bộ quản lý và giáo viên khi sử dụng phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Trò chuyện trực tiếp, kể chuyện có nội dung GDGT	1	1	15	67	36	4,13	0,60	4
2	Sử dụng tranh ảnh, video minh họa phù hợp độ tuổi	0	1	13	53	53	4,29	0,58	1
3	Tổ chức trò chơi đóng vai về tình huống xã hội, lồng ghép nội dung giới tính trong hoạt động học tập	2	1	18	63	36	4,08	0,58	5
4	Hỏi - đáp tình huống để kiểm tra nhận thức của trẻ	1	1	16	50	52	4,26	0,57	2
5	Phối hợp phụ huynh trong GDGT	2	1	14	52	50	4,24	0,57	3

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 phản ánh mức độ sử dụng các phương pháp GDGT cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các phương pháp đều có ĐTB từ 4,08 trở lên, cho thấy GV và CBQL đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp này ở mức tương đối thường xuyên đến thường xuyên trong thực tiễn giảng dạy.

Cụ thể, phương pháp “Sử dụng tranh ảnh, video minh họa phù hợp độ tuổi” được đánh giá cao nhất với ĐTB là 4,29 và ĐLC là 0,58, cho thấy đây là phương pháp trực quan, dễ tiếp cận và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi mầm non. Kế đến là hình thức “Hỏi - đáp tình huống để kiểm tra nhận thức của trẻ” (ĐTB = 4,26), thể hiện tính tương tác cao, giúp GV nắm bắt mức độ hiểu biết của trẻ để có điều chỉnh phù hợp. Phương pháp “Phối hợp phụ huynh trong GDGT” xếp thứ ba (ĐTB = 4,24), khẳng định vai trò của gia đình trong việc đồng hành cùng nhà trường, tuy nhiên cũng phản ánh phần nào những khó khăn trong việc triển khai phối hợp thực chất.

Trong khi đó, các phương pháp như “Trò chuyện trực tiếp, kể chuyện có nội dung GDGT” (ĐTB = 4,13) và “Tổ chức trò chơi đóng vai, lồng ghép nội dung giới tính trong hoạt động học tập” (ĐTB = 4,08) tuy vẫn đạt mức trung bình cao nhưng xếp ở vị trí thấp hơn. Điều này cho thấy các phương pháp này tuy có giá trị giáo dục cao nhưng có thể gặp khó khăn trong việc triển khai hiệu quả hoặc GV chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng tổ chức phù hợp với nội dung giới tính.

Nhìn chung, mức độ đồng thuận giữa các đối tượng khảo sát là khá cao, thể hiện qua ĐLC dao động trong khoảng hẹp (0,57-0,60). Điều này cho thấy các nhận định của CBQL và GV là tương đối thống nhất, từ đó góp phần đảm bảo độ tin cậy của số liệu khảo sát.

2.2.5. Thực trạng sử dụng hình thức giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Kết quả khảo sát của cán bộ quản lý và giáo viên khi sử dụng hình thức giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Tích hợp vào tiết học chính khóa (Ví dụ: khám phá, làm quen văn học...)	1	1	24	60	38	4,07	0,57	4
2	Giáo dục thông qua trò chơi (trò chơi đóng vai, phân vai...)	1	0	20	61	37	4,12	0,57	2
3	Thông qua hoạt động góc (góc gia đình, góc xây dựng...)	1	1	19	62	37	4,11	0,57	3
4	Giáo dục thông qua hoạt động ngoài trời	1	1	23	64	31	4,03	0,58	7
5	Sử dụng câu chuyện, tranh ảnh, video phù hợp độ tuổi	1	4	26	57	32	3,96	0,54	8
6	Tổ chức hoạt động trải nghiệm (tham quan, hội thảo nhỏ...)	1	4	26	44	45	4,07	0,52	5
7	Thông qua tình huống thực tế trong lớp học	0	4	20	50	46	4,15	0,54	1
8	Tổ chức chuyên đề/hội thảo về GDGT cho GV và phụ huynh	2	7	23	48	40	3,98	0,50	7

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy, các hình thức tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh được đánh giá ở mức khá cao, với ĐTB dao động từ 3,96 đến 4,15 trên thang đo 5 mức độ.

Trong đó, hình thức “Thông qua tình huống thực tế trong lớp học” được đánh giá cao nhất với ĐTB = 4,15 với ĐLC = 0,54, xếp hạng 1. Điều này cho thấy việc tích hợp nội dung GDGT thông qua các tình huống cụ thể, gần gũi trong lớp học là phương pháp hiệu quả, góp phần giúp trẻ tiếp cận nội dung giáo dục một cách tự nhiên, dễ hiểu và dễ ghi nhớ.

Tiếp theo là hình thức “Giáo dục thông qua trò chơi” (trò chơi đóng vai, phân vai...) với ĐTB= 4,12, xếp hạng 2, và hình thức “Thông qua hoạt động góc (góc gia đình, góc xây dựng...)” với ĐTB= 4,11, xếp hạng 3. Các hình thức này đều mang tính tương tác, trải nghiệm,

phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu phát triển của trẻ mầm non, đồng thời tạo điều kiện để trẻ vừa học vừa chơi, hình thành nhận thức về giới một cách tự nhiên.

Các hình thức như “Tích hợp vào tiết học chính khóa”, “Tổ chức hoạt động trải nghiệm (tham quan, hội thảo nhỏ...)”, và “Giáo dục thông qua hoạt động ngoài trời” cũng được đánh giá tích cực với ĐTB từ 4,03 đến 4,07. Điều này phản ánh sự quan tâm của nhà trường trong việc đa dạng hóa phương pháp tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc GDGT một cách toàn diện.

Tuy nhiên, một số hình thức như “Sử dụng câu chuyện, tranh ảnh, video phù hợp độ tuổi” (ĐTB 3,96, xếp hạng 8) và “Tổ chức chuyên đề, hội thảo cho GV và phụ huynh” (ĐTB 3,98, xếp hạng 6) lại được đánh giá ở mức thấp hơn. Nguyên nhân có thể do việc triển khai các hoạt động này chưa được đồng bộ, nội dung chưa thật sự hấp dẫn, hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu cụ thể của trẻ, GV và phụ huynh.

Nhìn chung, sự chênh lệch ĐTB giữa các hình thức không quá lớn, đồng thời DLC giữa các nội dung khảo sát đều ở mức thấp (dao động từ 0,50 đến 0,58), cho thấy sự đồng thuận tương đối cao trong nhận định của đội ngũ CBQL và GV về hiệu quả của các hình thức tổ chức hoạt động GDGT trong thực tiễn giảng dạy tại trường mầm non.

2.2.6. Thực trạng phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 6. Kết quả khảo sát thực trạng phối hợp giữa gia đình-nhà trường-xã hội trong tổ chức hoạt động giáo dục giới tính cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non quận Bình Tân

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	DLC	XH
		1	2	3	4	5			
1	Nhà trường chủ động phổ biến kiến thức giới tính cho phụ huynh	2	4	20	44	45	4,09	0,53	2
2	Phụ huynh hợp tác tích cực trong việc GDGT tại nhà	1	6	24	48	41	4,02	0,51	3
3	Giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh về nội dung giới tính phù hợp	2	3	20	50	45	4,11	0,53	1
4	Phụ huynh tham gia các buổi họp/lớp chuyên đề về giới tính do trường tổ chức	0	10	24	56	30	3,88	0,52	8
5	Nhà trường phối hợp với tổ dân phố, y tế, đoàn thể tổ chức tuyên truyền GDGT	3	9	22	44	42	3,94	0,49	6
6	Có sự hỗ trợ từ địa phương/xã hội trong truyền thông và tổ chức hoạt động giới tính cho trẻ	1	11	20	46	42	3,98	0,50	4
7	Hoạt động GDGT có sự thống nhất giữa gia đình - nhà trường - xã hội	2	4	22	62	30	3,95	0,56	5

TT	Nội dung	Mức độ					ĐTB	ĐLC	XH
		1	2	3	4	5			
8	Có chương trình/kế hoạch cụ thể nhằm phối hợp 3 lực lượng trong GDGT	3	8	16	66	27	3,93	0,59	7

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy, mức độ phối hợp giữa gia đình-nhà trường-xã hội trong tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo được đánh giá ở mức khá tích cực, với ĐTB dao động từ 3,88 đến 4,11, ĐLC từ 0,49 đến 0,59. Điều này phản ánh một sự đồng thuận tương đối cao giữa các CBQL và GV trong việc nhận định thực trạng phối hợp hiện nay.

Nội dung “Phụ huynh học tập tích cực trong việc GDGT tại nhà” đạt ĐTB cao nhất (4,11, ĐLC 0,51, xếp hạng 1), cho thấy sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của phụ huynh trong việc đồng hành cùng nhà trường trong GDGT cho trẻ. Đây là một tín hiệu khả quan, cho thấy phụ huynh không còn phó thác hoàn toàn vai trò giáo dục cho nhà trường mà đã chủ động tham gia và thực hành GDGT trong môi trường gia đình.

Tiếp theo là nội dung “Nhà trường chủ động phổ biến kiến thức giới tính cho phụ huynh” với ĐTB 4,09, xếp hạng 2, cho thấy vai trò tích cực của nhà trường trong việc truyền thông và cung cấp thông tin nhằm nâng cao hiểu biết và kỹ năng GDGT cho phụ huynh, từ đó hỗ trợ hiệu quả quá trình phối hợp giữa hai bên.

Bên cạnh những mặt tích cực, khảo sát cũng chỉ ra một số hạn chế trong công tác phối hợp, thể hiện qua các nội dung có ĐTB thấp hơn. Cụ thể, nội dung “Phụ huynh tham gia các buổi họp/lớp chuyên đề về giới tính do trường tổ chức” có ĐTB thấp nhất (3,88, xếp hạng 8). Điều này cho thấy sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động chuyên đề vẫn còn hạn chế, có thể xuất phát từ lý do thời gian, sự quan tâm chưa đầy đủ hoặc hình thức tổ chức chưa thực sự hấp dẫn và phù hợp.

Ngoài ra, nội dung “Có chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm phối hợp ba lực lượng trong GDGT cho trẻ” (gia đình - nhà trường - xã hội) chỉ đạt ĐTB 3,93, xếp hạng 7, phản ánh thực trạng thiếu sự thống nhất và định hướng chiến lược dài hạn trong công tác phối hợp GDGT cho trẻ.

Một số nội dung như “Hoạt động GDGT có sự thống nhất giữa gia đình - nhà trường - xã hội” (3,95, xếp hạng 5) và “Có sự hỗ trợ từ địa phương, tổ chức xã hội” (3,98, xếp hạng 4) cũng cho thấy cần tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức liên quan trong cộng đồng.

Nhìn chung, kết quả khảo sát phản ánh sự chủ động bước đầu nhưng chưa đồng đều giữa các lực lượng trong việc phối hợp tổ chức hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo. Trong thời gian tới, cần xây dựng các kế hoạch cụ thể, tăng cường tính liên kết và trách nhiệm giữa gia đình - nhà trường - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả GDGT, hướng đến sự phát triển toàn diện cho trẻ.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo ở 08 trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy hoạt động GDGT cho trẻ mẫu giáo đã được triển khai bước đầu với nhận thức tích cực từ CBQL và GV. Các mục tiêu giáo dục được thực hiện khá đồng đều, trong đó nội dung giúp trẻ phân biệt giới tính, nhận biết vùng riêng tư và kỹ năng bảo vệ bản thân đạt mức thực hiện cao. Tuy nhiên, các hoạt động ngoại khóa, chia sẻ chuyên đề và sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội còn hạn chế. Về nội dung và phương pháp, GV chủ yếu sử dụng hình thức kể chuyện, trò chơi, tranh ảnh minh họa và tình huống

thực tế trong lớp học - phù hợp với đặc điểm tâm lý trẻ. Dù vậy, nhiều GV vẫn lúng túng trong việc thiết kế hoạt động tích hợp GDGT và thiếu học liệu hướng dẫn cụ thể. Hình thức phối hợp với phụ huynh tuy đã có nhưng chưa thường xuyên, các chương trình liên kết với cộng đồng và tổ chức xã hội còn rời rạc.

Từ kết quả trên, cần tăng cường tập huấn chuyên đề, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn, bổ sung cơ chế hỗ trợ chuyên biệt và đẩy mạnh sự phối hợp ba lực lượng giáo dục, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức GDGT cho trẻ mẫu giáo, hướng tới môi trường mầm non an toàn, thân thiện và phát triển toàn diện.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2012, Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*.
- Đức Minh. (13/04/2025). (2024). Số vụ xâm hại trẻ em bị khởi tố lần đầu tiên giảm sau 4 năm. *Báo Điện tử Pháp Luật thành phố Hồ Chí Minh*. Truy cập từ <https://plo.vn/so-vu-xam-hai-tre-em-bi-khoi-to-lan-dau-tien-giam-sau-4-nam-post844115.html>.
- Nguyen, M. T. D., Huynh, S. V., & Do, T. T. (2024). Enhancing child safety: Evaluating a toolkit for sexual abuse prevention education in primary schools. *Multidisciplinary Science Journal*, 6(12), e2024290. <https://doi.org/10.31893/multiscience.2024290>.
- Trần, T. A., Nguyễn, C. P., Nguyễn, H. N., & Cao, T. P. N. (2022). Evaluation of the child sexual abuse prevention communication project toward the knowledge and attitude of secondary school students in Vinh City in the school year 2020-2021. *Vietnam Medical Journal*, 515(1). <https://doi.org/10.51298/vmj.v515i1.2417>.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2021). *Thực trạng nhu cầu về giáo dục giới tính và kỹ năng sống*. Tạp chí Giáo dục, số 29.
- WHO Regional Office for Europe, & Bundeszentrale für gesundheitliche Aufklärung (BZgA). (2010). *Standards for sexuality education in Europe: A framework for policy makers, educational and health authorities and specialists*. WHO/BZgA.
- UNESCO. (2018). *International technical guidance on sexuality education: An evidence-informed approach*. DOI: <https://doi.org/10.54675/UQRM6395>.
- UNESCO Global Education Monitoring Report. (2023). *Education Profiles - Comprehensive Sexuality Education (CSE) country profiles*. Education-Profiles.org. Truy cập từ <https://education-profiles.org/themes/~comprehensive-sexuality-education>.